



Số: 773/BC- CPC1

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Công ty đại chúng:
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1
Năm 2019

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 0100108536 do: Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 12 ngày 01/6/2017
- Vốn điều lệ đăng ký: 209.790.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 209.790.000.000 đồng
- Địa chỉ: 87 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam.
- Điện thoại: (84 - 24) 3864 3306 Fax: (84 - 24) 3864 1366
- Website: www.cpc1.com.vn
- Mã cổ phiếu: DP1
- Quá trình hình thành và phát triển:
 - Tiền thân của Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 là Quốc doanh Y Dược phẩm Trung ương được thành lập từ năm 1956 do Bộ Y Tế quản lý, trực thuộc Cục phân phối Dược phẩm.
 - Công ty chính thức được thành lập theo quyết định số 171/BYT-QĐ ngày 01/04/1971 của Bộ Y Tế với tên gọi “Công ty Dược phẩm cấp I” thuộc Tổng công ty dược (Bộ Y tế).
 - Năm 1985, Công ty đổi tên thành “Công ty Dược phẩm Trung ương I” theo quyết định số 934/BYT-QĐ ngày 5/6/1985 của Bộ trưởng Bộ Y Tế.
 - Ngày 22/4/1993, Bộ Y tế ra Quyết định số 408/BYT – QĐ của Bộ trưởng Bộ Y Tế về việc thành lập lại các doanh nghiệp Nhà nước thuộc Bộ Y Tế. Thành lập doanh nghiệp Nhà nước: “Công ty Dược phẩm TW1” thuộc Liên hiệp các xí nghiệp Dược Việt Nam với mã số: 070101;070102.
 - Công ty hoạt động theo Giấy Đăng ký thành lập doanh nghiệp Nhà nước với số đăng ký kinh doanh là: 108263 do Trọng tài Kinh tế Thành phố Hà Nội cấp ngày 12/5/1993. Tiếp đó, Công ty thay đổi số ĐKKD và hoạt động theo Giấy chứng nhận ĐKKD Công ty Nhà nước số: 0106000664, đăng ký lần đầu ngày 12/05/1993 và đăng ký thay đổi lần 12 ngày 27/10/2009.
 - Đến năm 2010, Công ty chuyển đổi thành Công ty TNHH Một thành viên Dược phẩm trung ương 1 theo quyết định số 45/QĐ-TCTD ngày 29/6/2010 do Nhà nước làm chủ sở hữu. Theo đó, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên với mã số:



0100108536 cấp lần đầu ngày 26/07/2010, thay đổi lần thứ 7 ngày 07/05/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

- Năm 2016 công ty chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với tên gọi Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 theo quyết định số 2290/QĐ-BYT ngày 12/06/2015 của Bộ Y Tế.

2. Ngành nghề kinh doanh và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh chế phẩm diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế; Dịch vụ bảo quản thuốc; Buôn bán Vaccin, sinh phẩm y tế; Sản xuất và kinh doanh: thuốc, nguyên liệu làm thuốc, sản phẩm chăm sóc sức khỏe, thực phẩm bổ dưỡng, thực phẩm bổ sung, thực phẩm chế biến và thực phẩm chức năng; Dịch vụ xuất nhập khẩu ủy thác; Nhập khẩu trang thiết bị y tế; Kinh doanh nguyên liệu ngành dược và dược phẩm; Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.
- Địa bàn kinh doanh: Các tỉnh miền Bắc, Thành phố Hồ Chí Minh và một số tỉnh miền Nam, miền Trung.

Các chi nhánh trực thuộc:

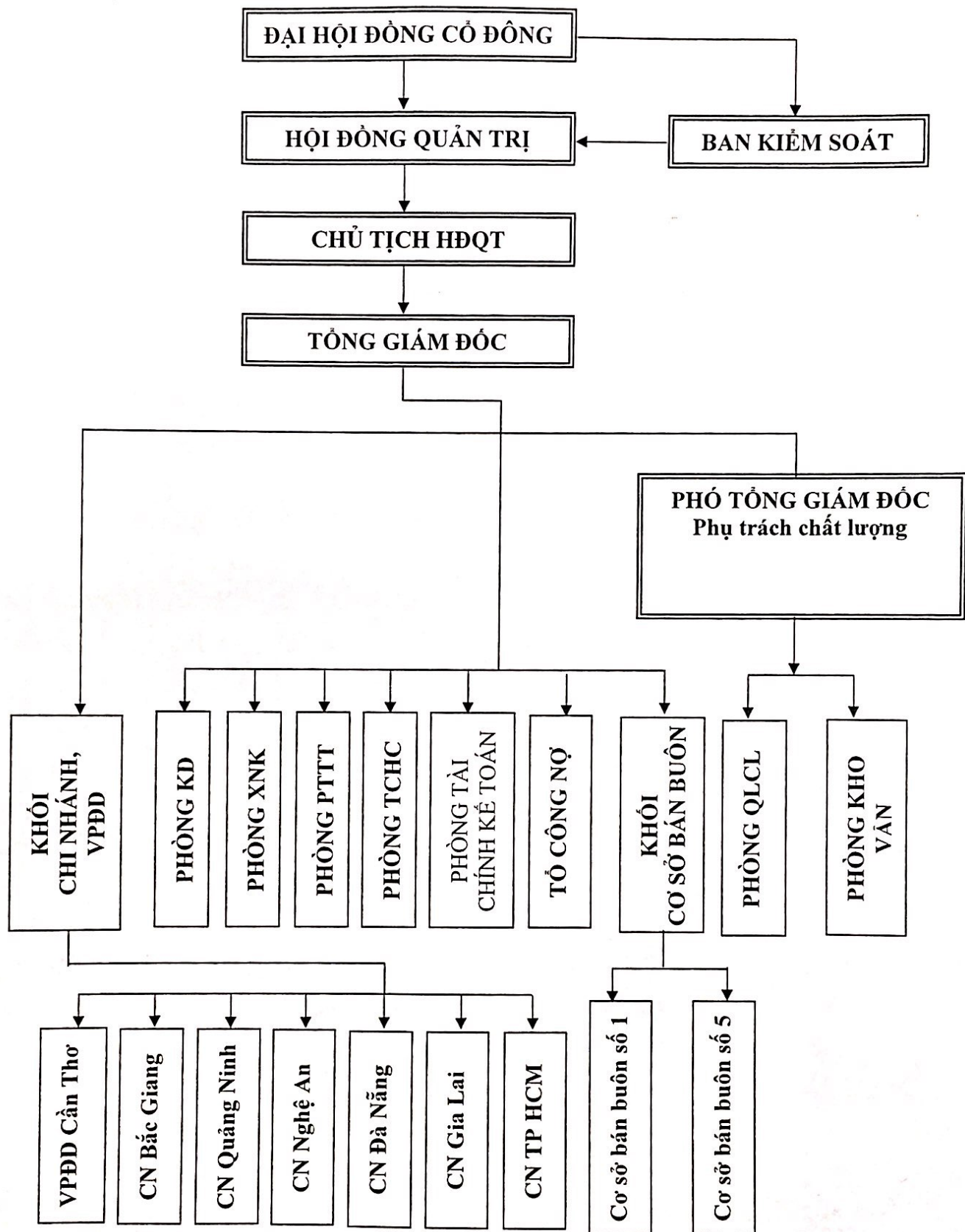
- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh: 297/24A Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh
- Chi nhánh Đà Nẵng: Số Lô 75, 76, 77 khu dân cư số 2 Phần Lãng, phường An Khê, quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng
- Chi nhánh Gia Lai: 200 Cách mạng Tháng 8, phường Hoa Lư, TP. Pleiku, tỉnh Gia lai
- Chi nhánh Nghệ An: Số 11 đường Lê Nin, xóm 19, xã Nghi Phú, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An
- Chi nhánh Quảng Ninh: Số 146, ngõ 3, đường Cao Thắng, phường Cao Thắng, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
- Chi nhánh Bắc Giang: Lô 42+43, N12 Đường Hoàng Văn Thụ, phường Hoàng Văn Thụ, TP Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

a. Mô hình quản trị

- **Đại hội đồng cổ đông:** Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền và nhiệm vụ quy định cụ thể tại Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp.
- **Hội đồng quản trị:** Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- **Ban kiểm soát:** Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của công ty.
- **Tổng giám đốc:** Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

b. Cơ cấu bộ máy quản lý



11/11/2017/3/11

4. Định hướng phát triển

a. Mục tiêu chủ yếu của công ty

- Kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển vốn của cổ đông tại công ty;
- Tối đa hóa các khoản lợi nhuận, tạo công ăn việc làm và tăng thu nhập cho người lao động, tăng cổ tức cho các cổ đông
- Đầu tư và phát triển công ty ngày càng lớn mạnh

b. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Duy trì tốc độ tăng trưởng $\geq 5\%/năm$
- Phát triển mạnh các sản phẩm có lợi thế và doanh số cao
- Tiếp tục mở rộng và phát triển hệ thống phân phối
- Áp dụng công nghệ và từng bước cải thiện hệ thống phân phối ngày càng chuyên nghiệp hơn.
- Đảm bảo chất lượng và khai thác tốt nhất các nguồn lực của công ty.
- Đào tạo và xây dựng đội ngũ CBNV chuyên nghiệp có trình độ chuyên môn và năng lực đáp ứng yêu cầu công việc.

c. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, cộng đồng, xã hội)

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực liên quan đến sức khỏe con người nên công ty có ý thức đến cộng đồng và trách nhiệm với xã hội:

- Kinh doanh các sản phẩm đạt chất lượng.
- Công tác tiêu hủy thuốc thực hiện đảm bảo không ảnh hưởng đến môi trường.
- Tạo môi trường làm việc cho CBNV an toàn, đời sống ổn định.
- Bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp cho cổ đông.
- Tham gia đóng góp các chương trình Đền ơn đáp nghĩa, quỹ tấm lòng vàng, và các hoạt động từ thiện trên địa bàn

5. Các rủi ro

a. Rủi ro về pháp luật:

Hoạt động kinh doanh của ngành Dược chịu nhiều tác động bởi sự quản lý của Nhà nước, các văn bản pháp luật về các lĩnh vực: giá thuốc, danh mục các thuốc phải kiểm soát đặc biệt, điều kiện kinh doanh thuốc, chính sách thuế nhập khẩu... có sự điều chỉnh, mỗi sự thay đổi đều có tác động đến hoạt động của Công ty.

b. Rủi ro về tỷ giá

Chính sách điều hành tỷ giá của nền kinh tế ưu tiên xuất khẩu, ảnh hưởng bất lợi tới các doanh nghiệp có tỷ trọng nhập khẩu lớn, sự biến động về tỷ giá USD/VN và EUR/VN có ảnh hưởng lớn đến hiệu quả kinh doanh của công ty.

c. Rủi ro về lãi suất

Nguồn vốn kinh doanh chính của công ty là vay từ các ngân hàng. Khi thị trường tiền tệ biến động, mặt bằng lãi suất vay biến động sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí lãi vay và hoạt động kinh doanh của công ty.

d. Rủi ro đặc thù:

- Rủi ro về nguồn hàng: Do không phải là đơn vị sản xuất nên nguồn hàng đầu vào của công ty phụ thuộc rất nhiều vào các nhà cung ứng sản xuất trong nước và nước ngoài. nguồn hàng thiếu tính ổn định và chủ động. Sự chậm trễ và kéo dài của thủ tục cấp số đăng ký mới cho các sản phẩm hết hạn VISA ảnh hưởng lớn đến sự thiếu hụt nguồn hàng của Công ty.
- Rủi ro về thị trường: Các doanh nghiệp Dược trong nước không ngừng mở rộng về quy mô và năng suất, các doanh nghiệp Dược đa quốc gia có tiềm lực về tài chính và công nghệ. Thực tế này đòi hỏi công ty phải nâng cao hơn nữa

chất lượng sản phẩm, đa dạng hóa sản phẩm để có thể tồn tại và cạnh tranh trên thị trường.

- Rủi ro về giá: Sản xuất, kinh doanh dược phẩm là một trong các lĩnh vực được Nhà nước quản lý giá chặt chẽ, chi phí đầu vào ngày càng tăng cao, sự cạnh tranh về giá giữa các sản phẩm trên thị trường.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2019

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019

- Kết quả hoạt động sản xuất doanh năm 2019

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018	Tăng/giảm	Tỷ lệ tăng trưởng (%) 2019/2018
Doanh thu thuần	2.315.698	2.619.774	(304.076)	(11,60)
Lợi nhuận trước thuế	47.536	39.495	8.041	20,35
Lợi nhuận sau thuế	37.780	31.751	6.029	18,99

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Kế hoạch năm 2019	Tăng/giảm	Tỷ lệ % TH/KH
Doanh thu thuần	2.315.698	2.500.000	(184.302)	92,6%
Lợi nhuận trước thuế	47.536	45.000	2.536	105,6%
Lợi nhuận sau thuế	37.780	36.000	1.780	104,9%

2. Tổ chức nhân sự

a. Danh sách ban điều hành

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Doãn Liêm	Tổng giám đốc	
2	Phạm Đức Thọ	Phó tổng giám đốc	

➤ Ông Nguyễn Doãn Liêm - Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 19/5/1960 Nơi sinh: Thái Bình
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- Số CMND: 011600497 Ngày cấp: 31/10/2013 Nơi cấp: Hà Nội
- Nguyên quán: Xã Vũ Trung, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
- Địa chỉ thường trú: Số 48A Ngõ 134 Lê Trọng Tấn, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, Hà Nội.
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Dược sĩ đại học
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
03/1986 - 04/1989	Công ty Dược phẩm Trung ương 1 - Kho dược	Nhân viên

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
04/1989 - 12/1995	Công ty Dược phẩm Trung ương 1 - Cửa hàng TT giới thiệu thuốc	Nhân viên
12/1995 - 11/1998	Công ty Dược phẩm Trung ương 1 - Quầy thuốc phòng Kế hoạch Nghiệp vụ	Nhân viên
11/1998 - 12/2002	Công ty Dược phẩm Trung ương 1 - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	Trưởng Chi nhánh
01/2003 - 03/2004	Công ty Dược phẩm Trung ương 1 - Cửa hàng số 10 Nguyễn Lương Bằng	Phụ trách cửa hàng
04/2004 - 11/2004	Công ty Dược phẩm Trung ương 1 - Phòng KDXNK	Phó trưởng phòng
12/2004 - 05/2005	Công ty Dược phẩm Trung ương 1 - Phòng KDXNK	Trưởng phòng
05/2005 - 07/2007	Công ty Dược phẩm Trung ương 1 - Phòng Kinh doanh	Phó GD kiêm trưởng phòng KD
08/2007 - 07/2010	Công ty Dược phẩm Trung ương 1	Giám đốc
08/2010 - 12/2015	Công ty TNHH MTV Dược phẩm TƯ 1	Chủ tịch kiêm Giám đốc
17/12/2015 đến nay	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Thành viên HĐQT
01/01/2016 đến nay	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Tổng giám đốc Công ty

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Thành viên HĐQT
- Số cổ phần sở hữu: 6.540.890 cổ phần, chiếm tỷ lệ 31,178% vốn điều lệ.

Trong đó:

- + Cổ phần sở hữu cá nhân: 1.210.940 cổ phần, chiếm tỷ lệ 5,772% vốn điều lệ.
- + Cổ phần đại diện sở hữu của Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP: 5.329.950 cổ phần, chiếm tỷ lệ 25,406% vốn điều lệ
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 819.200 cổ phần, chiếm tỷ lệ 3,9% vốn điều lệ.
- Các khoản nợ với công ty: Không có

➤ **Ông Phạm Đức Thọ - Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty**

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 19/02/1975 Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- Số CMND: 011902405 Ngày cấp: 19/5/2011 Nơi cấp: Hà Nội
- Nguyên quán: Xã Đức Trường, huyện Đức Thọ, Hà Tĩnh
- Địa chỉ thường trú: Số 3 Q21 Ngõ 134 Nguyễn An Ninh, phường Tương Mai, quận Hoàng Mai, Hà Nội.
- Số điện thoại liên lạc: 0913558959
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Dược sĩ đại học
- Quá trình công tác:



Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
09/1996 - 04/2007	Công ty Dược phẩm Trung ương 1 - Phòng KDXNK	Chuyên viên
04/2007 - 10/2007	Công ty Dược phẩm Trung ương 1 - Phòng KDXNK	Tổ trưởng tổ nhập khẩu
10/2007 - 03/2009	Công ty Dược phẩm Trung ương 1 - Phòng XNK	Phó trưởng phòng
04/2009 - 07/2010	Công ty Dược phẩm Trung ương 1 - Phòng XNK	Trưởng phòng
08/2010 - 12/2015	Công ty TNHH MTV Dược phẩm TƯ 1- Phòng XNK	Trưởng phòng
17/12/2015 - nay	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Chủ tịch HĐQT
01/8/2018 - nay	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Phó tổng giám đốc

- Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần bản thân nắm giữ: 4.202.600 cổ phần, chiếm tỷ lệ 20,032% vốn điều lệ.
- Trong đó:
 - + Cổ phần sở hữu cá nhân: 6.800 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,03% vốn điều lệ.
 - + Cổ phần đại diện sở hữu của Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP: 4.195.800 cổ phần, chiếm tỷ lệ 20,0% vốn điều lệ
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 26.700 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,127% vốn điều lệ.

b. Số lượng cán bộ nhân viên

Trình độ	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Trên đại học	10	2,75
Đại học	146	40,2
Cao đẳng	13	3,58
Trung cấp	128	35,26
Sơ cấp	10	2,75
Lao động phổ thông, khác	56	15,43

- Chính sách người lao động tại công ty: Được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành, phúc lợi và chế độ đãi ngộ tốt, đảm bảo thu nhập cho người lao động.
- Thay đổi trong chính sách đối với người lao động: Không có thay đổi

3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Dự án xây dựng kho GSP số 2 tại Lô số 3, đường số 4, Khu công nghiệp Tân Tạo TP. Hồ Chí Minh. Tiến độ dự án: Đang trong giai đoạn hoàn thiện, đưa vào sử dụng năm 2020.

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản	1.583.670.227.328	1.352.728.641.234	-14,58%
Doanh thu thuần	2.619.774.377.444	2.315.698.137.721	-11,61%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	37.971.220.271	47.300.161.693	24,57%
Lợi nhuận khác	1.524.028.763	236.072.971	-84,51%
Lợi nhuận trước thuế	39.495.249.034	47.536.234.664	20,36%
Lợi nhuận sau thuế	31.750.696.657	37.780.170.043	18,99%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	1160	1572	35,52%

b. Các chỉ số tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	1,09	1,09	
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh	0,51	0,52	
Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho			
Nợ ngắn hạn			
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	83,86%	81,08%	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	519,67%	428,61%	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho	2,85	2,94	
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,65	1,71	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	1,21%	1,63%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	12,42%	14,76%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	2,00%	2,79%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	1,45%	2,04%	

5. Cơ cấu cổ đông

a. Cổ phần

- Tổng số cổ phần: 20.979.000 cổ phần
- Loại cổ phần đang lưu hành: cổ phần phổ thông

- Tổng số cổ phần tự do chuyển nhượng: 20.160.300 cổ phần
- Tổng số cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 818.700 cổ phần

b. Cơ cấu cổ đông:

Stt	Cổ đông	Số lượng	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
	Theo loại hình sở hữu			
1	Cổ đông Nhà nước	0	0	0
2	Cổ đông là tổ chức	3	16.721.554	79,71
3	Cổ đông là cá nhân	394	4.257.446	20,29
	Theo tỷ lệ sở hữu			
1	Cổ đông lớn (sở hữu trên 5%)	3	17.932.490	85,48
2	Cổ đông khác	394	3.046.510	14,52
	Cổ đông trong nước và nước ngoài			
1	Cổ đông trong nước	396	20.978.000	99,995
2	Cổ đông nước ngoài	1	1000	0,005
	Tổng cộng		20.979.000	

- c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không
- d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không
- e. Các chứng khoán khác: Không

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1 Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Tổng nguyên liệu công ty nhập khẩu để kinh doanh là 857,8 tấn

6.2 Tiêu thụ năng lượng

Năng lượng tiêu thụ điện: 1.055.600 kw/năm

Kiểm soát và sử dụng nguồn điện hợp lý, tiết kiệm

6.3 Tiêu thụ nước: 11.961 m³/năm

6.4 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty luôn tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường, trong năm không bị xử lý vi phạm

6.5 Chính sách liên quan đến người lao động

a. Số lượng người lao động: 363 người

Mức lương trung bình đối với người lao động:

- Cán bộ nhân viên: 13.600.000 đ/người/tháng
- Ban điều hành: 57.500.000 đ/người/tháng

b. Chính sách lao động nhằm bảo đảm sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

- Chế độ phúc lợi được đảm bảo: người lao động được quan tâm, thăm hỏi động viên kịp thời khi ốm đau, hiếu, hỷ...
- Khám sức khỏe định kỳ hàng năm
- Tổ chức đi tham quan, du lịch để người lao động được nghỉ ngơi, dưỡng sức.
- Tổ chức các khóa huấn luyện an toàn lao động, phòng chống cháy nổ cho cán bộ nhân viên trong công ty.
- Chế độ lương thưởng được trả theo trình độ chuyên môn, năng suất lao động và hiệu quả kinh doanh.
- Trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ cá nhân và dụng cụ an toàn lao động.
- Các thông số môi trường lao động đảm bảo điều kiện làm việc tốt cho người lao động.



- Động viên khuyến khích con em người lao động học tập bằng cách tặng quà, khen thưởng đối với các cháu có thành tích học tập tốt.

c. Hoạt động đào tạo người lao động

- Thực hiện hiện 27 khóa đào tạo
- Tổng số lượt người tham gia đào tạo theo kế hoạch: 914 lượt người
- Tổng số lượt người thực hiện đào tạo: 890 lượt người
- Nội dung đào tạo: Phổ biến, cập nhật các văn bản pháp luật liên quan đến các hoạt động chuyên môn, tham dự các lớp nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

6.6 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng và địa phương

- Công ty cũng hướng tới chia sẻ khó khăn với cộng đồng, với những gia đình có hoàn cảnh khó khăn trong công ty. Ủng hộ các hoạt động từ thiện trên địa bàn quận, phường như đóng góp quỹ đền ơn đáp nghĩa, quỹ vì người nghèo, hội người khuyết tật, hỗ trợ trẻ em khu dân cư nhân dịp trung thu, nạn nhân chất độc da cam... Tuy việc đóng góp có giới hạn nhưng thể hiện trách nhiệm luôn quan tâm vì cộng đồng của doanh nghiệp.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Kế hoạch Năm 2019	Thực hiện Năm 2019	Tỷ lệ tăng trưởng (%) 2019/2018	Tỷ lệ % TH/KH
Doanh thu thuần	2.619.796	2.500.000	2.315.698	(11,61)	92,63
Lợi nhuận trước thuế	39.495	45.000	47.536	20,35	105,64
Lợi nhuận sau thuế	31.750	36.000	37.780	18,99	104,94
Cổ tức	15%	14%	Đề xuất 16%	6,67	114,29

Căn cứ Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tại Báo cáo tài chính năm 2018 và Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Dược phẩm trung ương CPC1.

+ Lợi nhuận sau thuế tại BCTC năm 2018: 31,75 tỷ đồng

+ Lợi nhuận sau thuế tại BCTC năm 2019: 37,78 tỷ đồng

Chênh lệch tăng là: 6,03 tỷ đồng tăng tương đương 18,9%

• Lý do tăng chủ yếu là do:

- Điều chỉnh hạch toán lợi nhuận, ghi tăng lợi nhuận năm 2017 và giảm lợi nhuận năm 2018 theo kết luận năm 2018 của Đoàn Kiểm toán nhà nước (công ty đã giải trình số liệu cụ thể trong công văn số 574/CPC1-TCKT ngày 28/3/2019 về việc giải trình số liệu Báo cáo tài chính gửi tới Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội)

- Mặc dù doanh thu năm 2019 là 2315.6 tỷ, doanh thu năm 2018 là 2619,7 thấp hơn 304 tỷ nhưng tỷ suất lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ trên doanh thu năm 2019 là 273,3 tỷ đạt 11,8% còn năm 2018 là 286,2 tỷ đạt 10,9%. Do năm 2019 công ty đã kinh doanh được những mặt hàng có lợi nhuận tốt hơn.

- Chi phí tài chính: tỷ lệ chi phí tài chính trên doanh thu thuần năm 2019 là 2,3%, của năm 2018 là 2,5%, thấp hơn 0,2%, giảm chủ yếu ở phần chi phí lãi vay là do lãi suất các khoản vay năm 2019 thấp hơn (từ 5,8%-6,5%/năm) còn lãi suất các khoản vay của 3 tháng cuối năm 2018 bị tăng cao (từ 5,8%-7,1%)

2. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	Mã số	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	1.194.047.298.733	1.444.712.638.381
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	27.565.489.382	57.749.224.752
1. Tiền	111	27.565.489.382	57.749.224.752
2. Các khoản tương đương tiền	112		
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121	-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	528.142.532.879	602.371.358.686
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	501.587.680.940	552.671.392.004
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7.783.986.473	21.474.259.422
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	22.024.055.932	30.097.763.736
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	(3.253.190.466)	(1.872.056.476)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		
IV. Hàng tồn kho	140	623.316.245.332	764.723.771.917
1. Hàng tồn kho	141	640.435.181.618	773.982.904.611
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	(17.118.936.286)	(9.259.132.694)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	15.023.031.140	19.868.283.026
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	198.624.000	
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	14.803.156.233	16.799.894.053
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	21.250.907	3.068.388.973
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		

Chỉ tiêu	Mã số	Số cuối năm	Số đầu năm
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200	158.681.342.501	138.957.588.947
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		
6. Phải thu dài hạn khác	216		
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		
II. Tài sản cố định	220	78.482.588.845	80.583.085.514
1. Tài sản cố định hữu hình	221	50.617.356.045	52.717.852.714
- Nguyên giá	222	172.760.057.930	169.202.463.155
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(122.142.701.885)	(116.484.610.441)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	-	-
- Nguyên giá	225		
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		
3. Tài sản cố định vô hình	227	27.865.232.800	27.865.232.800
- Nguyên giá	228	30.571.666.000	30.571.666.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	(2.706.433.200)	(2.706.433.200)
III. Bất động sản đầu tư	230	-	-
- Nguyên giá	231		
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	23.953.413.000	927.476.509
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	23.953.413.000	927.476.509
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	25.177.872.461	24.771.312.461
1. Đầu tư vào công ty con	251		
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	25.177.872.461	24.771.312.461
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		
VI. Tài sản dài hạn khác	260	31.067.468.195	32.675.714.463

Chỉ tiêu	Mã số	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	31.067.468.195	32.675.714.463
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		
4. Tài sản dài hạn khác	268		
5. Lợi thế thương mại	269		
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270	1.352.728.641.234	1.583.670.227.328

b. Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	Mã số	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300	1.096.824.280.106	1.328.104.380.819
I. Nợ ngắn hạn	310	1.096.824.280.106	1.326.559.162.213
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	506.121.778.075	500.308.139.770
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	50.628.740.391	39.230.750.188
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	2.511.767.209	1.282.180.190
4. Phải trả người lao động	314	18.431.718.909	15.439.229.140
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.929.047.204	5.138.359.300
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	19.394.769.912	13.686.217.330
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	492.607.383.377	746.257.736.266
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	2.199.075.029	5.216.550.029
13. Quỹ bình ổn giá	323		
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		
II. Nợ dài hạn	330	-	1.545.218.606
1. Phải trả người bán dài hạn	331		
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		

Chỉ tiêu	Mã số	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300	1.096.824.280.106	1.328.104.380.819
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		
7. Phải trả dài hạn khác	337		
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	-	1.545.218.606
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	255.904.361.128	255.565.846.509
I. Vốn chủ sở hữu	410	255.904.361.128	255.565.846.509
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	209.790.000.000	209.790.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	209.790.000.000	209.790.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	2.444.991.780	2.444.991.780
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	43.669.369.348	43.330.854.729
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	9.389.199.305	18.080.158.072
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	34.280.170.043	25.250.696.657
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-
1. Nguồn kinh phí	431		

Chỉ tiêu	Mã số	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300	1.096.824.280.106	1.328.104.380.819
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440	1.352.728.641.234	1.583.670.227.328

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Để đáp ứng hoạt động kinh doanh trong bối cảnh thị trường đầy biến động và nhiều khó khăn, công ty luôn có sự điều chỉnh kịp thời về chiến lược, chính sách hàng hóa. Ban hành quy định nội bộ trong công ty nhằm tăng cường công tác thu hồi công nợ đặc biệt các công nợ quá hạn để bảo toàn nguồn vốn.

Sửa đổi, bổ sung các quy trình theo sự cải tiến trong quản lý và phương thức thực hiện.

4. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020

Với kết quả đạt được của năm 2019, Hội đồng quản trị, Ban điều hành xây dựng kế hoạch năm 2020 với những chỉ tiêu chủ yếu như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Tăng trưởng 2020 so với thực hiện 2019 (%)
1	Doanh thu	Tỷ	2.31,065	2.350	1,47
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ	47,536	50	5,18
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ	37,780	40	5,88
5	Cổ tức	%	Đề xuất 16%	15	0

- Hoàn thiện dự án xây dựng kho GSP tại chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để đưa vào sử dụng.
- Tăng cường kiểm soát, ngăn ngừa rủi ro: Soát xét lại các quy trình, ban hành các quy định nội bộ phù hợp với thực tế nâng cao khả năng kiểm soát.
- Giữ vững nguồn cung hiện tại, tìm kiếm sản phẩm mới thay thế sản phẩm đã mất hoặc giảm khả năng cạnh.
- Tăng cường thu hồi công nợ, giảm tỷ lệ nợ quá hạn, các đơn vị đề xuất các giải pháp đối với công nợ khó đòi.
- Áp dụng công nghệ, từng bước cải thiện hệ thống giao hàng.
- Nâng cao hiệu quả phần mềm, cải tiến nhằm giảm hiện tượng chậm, treo.
- Duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo phiên bản ISO 9001: 2015
- Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa hệ thống kho đạt yêu cầu tái thẩm định GDP, GSP.
- Triển khai thành công tích hợp phần mềm hóa đơn điện tử, áp dụng đúng tiến độ quy định của Chính phủ

5. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường:

Công ty chú trọng đến các chỉ tiêu đảm bảo môi trường nơi làm việc và xung quanh. Công tác tiêu hủy thuốc không đạt chất lượng được thực hiện theo quy định của pháp luật. Tuyên truyền, nhắc nhở CBNV sử dụng điện nước hợp lý, tiết kiệm, tránh lãng phí.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Người lao động được điều động, sắp xếp công việc phù hợp với năng lực và trình độ chuyên môn. Chế độ lương thưởng được trả theo trình độ và hiệu quả lao động. Công tác chăm sóc sức khỏe, đời sống tinh thần của người lao động được quan tâm và chú trọng.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp với cộng đồng địa phương

Phối hợp với địa phương trong công tác tuyên truyền phòng chống dịch bệnh, tham gia ủng hộ các quỹ hoạt động từ thiện trên địa bàn chia sẻ phần nào những hoàn cảnh khó khăn.

IV. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty

- Về kết quả thực hiện:

- Kết quả kinh doanh đạt chỉ tiêu lợi nhuận theo kế hoạch do có sự tập trung vào các sản phẩm có lợi thế, Công ty có dịch vụ phân phối đáp ứng nhu cầu khách hàng khá tốt, chính sách giá hợp lý là những yếu tố cốt lõi mà CPC1 duy trì được. Các hàng phân phối cho các nhà cung cấp lớn vẫn đạt kế hoạch đề ra (B.Braun, Hyphens...)
- Về doanh thu chưa đạt so với kế hoạch do một số nguyên nhân: Nhóm khách hàng ủy thác mua theo đơn đặt hàng giảm mạnh. Không trúng thầu quốc gia một số hàng kháng sinh. Hàng trúng thầu tập trung quốc gia lớn nhưng thực tế các cơ sở điều trị chỉ lấy khoảng 30% so với lượng trúng thầu. Một số hàng thay đổi quy định đấu thầu, giới hạn chỉ định dẫn đến không trúng thầu hoặc bị giảm doanh số bán dẫn tới tồn kho cao và nguy cơ bị hết hạn (Piracetam 3G, Cefoxitin ...). Một số hàng nhà cung cấp bị trục trặc không cung cấp được hàng theo kế hoạch của công ty hoặc sản phẩm vướng vào sự cố y khoa phải tạm ngừng cung cấp để xác định nguyên nhân...
- Năm 2019 triển khai thêm được một số sản phẩm mới nhưng doanh số chưa cao do các sản phẩm cần thời gian thâm nhập thị trường, tăng trưởng doanh số.

- Về đầu tư xây dựng cơ bản:

- Dự án xây kho GSP của chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh đang thực hiện ở giai đoạn hoàn thiện, chuẩn bị đưa vào sử dụng.
- Trả thù lao cho HĐQT; Ban kiểm soát và lương của Trưởng ban kiểm soát thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019, cụ thể:
 - + Hội đồng quản trị: 324.000.000 đồng
 - + Ban kiểm soát: 408.000.000 đồng

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc

- Ban Tổng giám đốc nhận thức rõ những khó khăn thách thức trong năm 2019 và những năm tiếp theo nên đã chủ động, linh hoạt điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời ban hành các văn bản nội bộ theo thẩm quyền nhằm kiểm soát tối đa chi phí, tận dụng và kết hợp mọi nguồn lực hiện có để đem lại hiệu quả cao nhất cho hoạt động của công ty.

- Ban Tổng Giám đốc triển khai các hoạt động của Công ty theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của Hội đồng quản trị.
- Hội đồng quản trị đánh giá cao sự nỗ lực của Ban Tổng giám đốc trong quá trình điều hành hoạt động năm 2019 của công ty thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Tăng cường quản lý, giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc, các cán bộ quản lý trong việc thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT đảm bảo mọi hoạt động của Công ty hiệu quả, tuân thủ các quy định của pháp luật và hoàn thành chỉ tiêu kinh doanh năm 2020
- Kiểm soát tài chính chặt chẽ, giảm thiểu chi phí quản lý, tăng cường công tác giám sát tại các dự án công ty đã chủ trương đầu tư.
- Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc phối hợp chặt chẽ, thường xuyên trao đổi để đưa ra các quyết định kịp thời sát với tình hình hoạt động của công ty. Hội đồng quản trị cam kết lãnh công ty đảm bảo thực hiện theo kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Tăng cường công tác đào tạo nguồn nhân lực, chú trọng đến quy hoạch kế thừa nhằm nâng cao chất lượng nhân sự và đảm bảo nguồn nhân lực kế cận đáp ứng công tác kinh doanh.
- Quan tâm đến đời sống vật chất của người lao động, tạo thu nhập ổn định, cố gắng năm sau cao hơn năm trước.

V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến của kiểm toán

Đơn vị kiểm toán: Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 (“Công ty”), được lập ngày 11/3/2020 và được trình bày từ trang 5 đến trang 36 bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh



giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Chi tiết báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2019 được công bố trên trang thông tin điện tử của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và đăng tải trên website của Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 tại địa chỉ: www.cpc1.com.vn

Xác nhận của đại diện theo pháp luật

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Doãn Liêm

